

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v “Kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1957; bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Huyền M1, sinh năm 1994; cùng địa chỉ: 118 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị Huyền M1: Ông Đỗ Anh T1; địa chỉ: Số 06 Đường L2, buôn Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo bản án sơ thẩm, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của người khởi kiện thể hiện:

Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 32, diện tích 245,5m² tại số 26B đường N2, tổ dân phố 8, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc do vợ chồng ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị N3 khai hoang từ năm 1954. Ngày 12/5/1997, ông T3 và bà N3 chuyển nhượng cho bố của ông là Nguyễn Hữu N 252m² đất để làm nhà ở, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND phường T2 chứng thực. Tháng 3/1998, bố mẹ của ông xây dựng nhà ở trên đất và sử dụng ổn định. Năm 2005, bố mẹ ông tặng cho ông thửa đất nêu trên cùng với căn nhà ở trên đất, ông tiếp tục sử dụng ổn định. Ngày 22/12/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 8829/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất nêu trên của ông để thực hiện công trình: Hồ thủy lợi E, phường T2, thành phố B; cũng trong ngày 22/12/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 8803/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, để xây dựng công trình: Hồ thủy lợi E; bồi thường, hỗ trợ cho ông diện tích đất bị thu hồi theo giá đất nông nghiệp là trái với quy định của pháp luật. Bởi vì, thửa đất của ông bị thu hồi là đất ở, có nguồn gốc nhận chuyển nhượng đất ở từ vợ chồng ông T3, bà N3. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Huỷ Quyết định số: 8803/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với diện tích đất của ông bị thu hồi; buộc UBND thành phố B ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với diện tích đất của ông bị thu hồi theo giá đất ở.

2. Theo bản án sơ thẩm, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của người bị kiện thể hiện:

Theo ý kiến của khu dân cư họp ngày 23/9/2019 thì thửa đất số 32, tờ bản đồ số 32, diện tích 245,5m² tại số 26B đường N2, tổ dân phố 8, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc do vợ chồng ông Nguyễn Văn T3,

bà Nguyễn Thị N3 khai hoang từ năm 1954. Ngày 12/5/1997, ông T3 và bà N3 chuyển nhượng cho vợ chồng Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị M 252m² đất, Hợp đồng chuyển nhượng diện tích đất nêu trên được chính quyền địa phương xác nhận. Ngày 05/9/2006, ông N và bà M viết giấy tay tặng cho con trai là ông Nguyễn Sơn H thửa đất nêu trên. Năm 2010, ông H xây dựng nhà ở trên đất, hiện trạng sử dụng đất không lấn chiếm, không tranh chấp. Diện tích đất thu hồi 245,5m² là đất trồng cây hàng năm chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời gian sử dụng vào mục đích đất ở sau ngày 01/7/2004. Căn cứ Điều 20 thì diện tích đất bị thu hồi nêu trên không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở; mặc khác, căn cứ khoản 3 Điều 22 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 thì diện tích đất của ông H bị thu hồi được bồi thường theo giá đất trồng cây hàng năm là đúng với quy định của pháp luật.

3. Theo bản án sơ thẩm, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị M trình bày: Ông, bà là bố, mẹ ruột ông Nguyễn Sơn H; thửa đất số 32, tờ bản đồ số 32, diện tích 245,5m² tại số 26B đường N2, tổ dân phố 8, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc do vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng đất ở của vợ chồng ông T3, bà N3 vào ngày 12/5/1997. Năm 1998, vợ chồng ông bà xây nhà ở trên đất và sử dụng ổn định. Năm 2005, vợ chồng ông, bà tặng cho con trai là ông Nguyễn Sơn H thửa đất nêu trên và nhà ở trên đất. Ông và bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H.

- Bà Nguyễn Thị Huyền M1 trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Sơn H, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H.

Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2021/HC-ST ngày 15/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính. Khoản 2 Điều 74; khoản 1 Điều 75; khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013. Khoản 2 Điều 20; khoản 1 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Sơn H:

Hủy Quyết định số 8803/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Hồ thủy lợi E, thành phố B đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 32, diện tích 245,5m² tại số 26B đường N2, tổ dân

phố 08, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk của ông Nguyễn Sơn H.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho ông Nguyễn Sơn H đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 32 tại số 26B đường N2, tổ dân phố 08, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo loại đất ở đô thị đúng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, Ủy ban nhân dân thành phố B kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác Đơn khởi kiện.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác Đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Đỗ Anh T1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Sơn H trình bày giữ nguyên Đơn khởi kiện. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trình bày giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Ông Đỗ Anh T1 trình bày: Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm.

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Bản án hành chính sơ thẩm căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 12/5/1997 giữa ông T3, bà N3 với ông N và chấp nhận lời khai của vợ chồng ông N về việc năm 1998 vợ chồng ông N xây nhà trên đất và năm 2006 tặng cho con trai Nguyễn Sơn H thửa đất nêu trên cùng căn nhà để xác định thời điểm xây dựng nhà trên đất trước năm 2004 là không có căn cứ. UBND thành phố B phê duyệt phương án đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 32, diện tích 245,5m² theo loại đất trồng cây hàng năm là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, Ủy ban nhân dân thành phố B kháng cáo; ngày 29 tháng 6 năm 2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2021/HC-ST ngày 15/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, kháng cáo và kháng nghị nêu trên là trong thời hạn luật định, do vậy được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Ngày 15/10/2021, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân thành phố B theo quy định của pháp luật.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 22/12/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 8829/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 245,5m² đất để thực hiện công trình: Hồ thủy lợi E, phường T2, thành phố B. Ngày 22/12/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 8803/QĐ-UBND (Quyết định số: 8803/QĐ-UBND) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Sơn H diện tích đất bị thu hồi theo giá đất nông nghiệp. Ngày 12/01/2021, ông Nguyễn Sơn H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết huỷ Quyết định số: 8803/QĐ-UBND; buộc UBND thành phố B ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với diện tích đất của ông bị thu hồi, theo giá đất ở. Như vậy, các quyết định hành chính nêu trên được ban hành trong quá trình quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai là đối tượng khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về nội dung:

Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 32, diện tích 245,5m² tại số 26B đường N2, tổ dân phố 8, phường An Tự, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc do vợ chồng ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị N3 khai hoang từ năm 1954 và sử dụng ổn định không tranh chấp. Ngày 12/5/1997, ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị N3 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu N 252m² để làm nhà ở, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND phường T2 chứng thực. Năm 1998, ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị M xây dựng nhà ở trên đất và sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Ngày 05/9/2006, ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị M tặng cho con trai Nguyễn Sơn H thửa đất và căn nhà ở trên đất. Ông H sử dụng liên tục, ổn định không tranh chấp.

Xét thấy: Mặc dù thửa đất số 32 hiện nay ông H đang sử dụng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng nguồn gốc thửa đất kể từ khi ông

T3, bà N3 khai hoang từ năm 1954 và sử dụng liên tục đến khi chuyển nhượng cho ông N năm 1997 là phù hợp với quy hoạch và không có tranh chấp nên UBND phường T2 đã chứng thực Hợp đồng. Cũng như, sau khi nhận chuyển nhượng năm 1998 ông N, bà M đã xây dựng nhà trên đất và sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp, không bị cơ quan chức năng xử phạt vi phạm hành chính về đất đai. Tương tự, ông Nguyễn Sơn H sau khi được tặng cho thửa đất số 32 cũng sử dụng liên tục, ổn định, không có tranh chấp. Như vậy, ông Nguyễn Sơn H sử dụng thửa đất số 32, tờ bản đồ số 32 tại tổ dân phố 8, phường An Tự, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk được xác định là sử dụng đất ổn định và đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 20; Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

Ngày 22/12/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8829/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Hồ thủy lợi E, phường T2, thành phố B - Thu hồi 245,5m² đất của ông Nguyễn Sơn H đang sử dụng tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 32 tại tổ dân phố 8, phường An Tự, thành phố B. Ngày 22/12/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8803/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hồ thủy lợi E, phường T2, thành phố B - Bồi thường cho ông Nguyễn Sơn H 245,5m² đất trồng cây hàng năm khác là không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, vi phạm khoản 2 Điều 74; khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, UBND thành phố B vắng mặt và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự và những nội dung được phân tích tại các mục [1], [2] và [3] nêu trên. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2021/HC-ST ngày 15/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Sơn H là có căn cứ. Bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Bác kháng cáo của của Ủy ban nhân dân thành phố B và kháng nghị của Viện trưởng

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính. Khoản 2 Điều 74; khoản 1 Điều 75; khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013. Khoản 2 Điều 20; khoản 1 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Sơn H:

Hủy Quyết định số 8803/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Hồ thủy lợi E, thành phố B đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 32, diện tích 245,5m² tại số 26B đường N2, tổ dân phố 08, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk của ông Nguyễn Sơn H.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho ông Nguyễn Sơn H đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 32 tại số 26B đường N2, tổ dân phố 08, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo loại đất ở đô thị đúng theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000đ, được trừ vào 300.000đ Ủy ban nhân dân thành phố B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0007339 ngày 09/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Lê Phước Thanh Phạm Việt Cường

Trần Quốc Cường